TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày: 26/10/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn
Ông Lưu Văn Có

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Lãm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Dương– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-DS ngày 06/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T

Địa chỉ: 15C H, phường L, Nha Trang, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tường L- Địa chỉ: 26.03 đường A Khu đô thị L, Nha Trang, Khánh Hòa (văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020); ông L có mặt, bà T vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H; Địa chỉ: Tổ S, xã N, Nha Trang, Khánh Hòa; vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Hữu Q; Địa chỉ: Tổ S, xã N, Nha Trang, Khánh Hòa; vắng mặt

2/ Ông Nguyễn Khắc N; Địa chỉ: 15C H, phường L, Nha Trang, Khánh Hòa; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/10/2018, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh H có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Văn phòng công chứng Hoàng Long. Theo nội dung hợp đồng thì bà T góp vốn 300.000.000 đồng, ông H góp vốn 650.000.000 đồng để làm kính 3D. Trong quá trình hợp tác làm ăn, giữa bà T và ông H đã phát sinh nhiều vấn

đề bất đồng quan điểm. Do đó hai bên đã thỏa thuận ông H sẽ trả lại số vốn mà bà T đã góp. Ngày 07/5/2019, ông H đã viết giấy xác nhận còn nợ bà T số tiền 340.000.000 đồng (*ba trăm bốn mươi triệu đồng*), (trong đó tiền vốn góp là 300.000.000 đồng và 40.000.000 đồng là tiền lợi nhuận kinh doanh) và hẹn đến ngày 20/5/2019 sẽ trả tiền toàn bộ số tiền trên cho bà T. Đến ngày 14/6/2019, ông Nguyễn Hữu Q là em ruột của ông H có trả cho bà T 100.000.000 đồng. Ông Q nói 100.000.000 đồng này là tiền của ông H nhờ ông Q trả cho bà T và ông Q cũng viết giấy xác nhận ông H còn nợ bà T 240.000.000 đồng còn lại. Sau đó, bà T đã nhiều lần đề nghị ông H trả nợ nhưng ông H vẫn không trả nợ. Khi biết bà T đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, ông H liền bán nhà để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà T yêu cầu ông H phải thanh toán một lần số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi do ông H chậm thanh toán cho bà T kể từ ngày 21/5/2019 cho đến ngày xét xử là 240.000.000 đồng x 1,5% x 17 tháng (tính tròn) = 61.200.000 đồng (*sáu mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng*)

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Q: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã thực hiện tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Hữu Q. Đồng thời đã thông báo tìm kiếm ông H và ông Q trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, ông H và ông Q vẫn vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc N trình bày tại bản tự khai:

Ông N là chồng của bà T. Ngày 30/10/2018 bà T và ông H có kí kết hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ngày 07/5/2019 ông H nhận nợ với bà T số tiền 340.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 20/5/2019. Đến ngày 14/6/2019 ông Q em trai ông H đã trả cho bà T 100.000.000 đồng. Ông Q viết giấy xác nhận ông H còn nợ bà T 240.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện ông H thì ông N đề nghị Tòa án xử buộc ông H phải trả cho bà T đủ tiền gốc và lãi. Ông N xác nhận số tiền này là tài sản riêng của bà T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T tiền gốc 240.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật kể từ ngày 21/5/2019 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Khắc N vẫn vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227

và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nói trên

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh H đã giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh vào ngày 30/10/2018; nội dung hợp đồng thể hiện bà T góp vốn 300.000.000 đồng, ông H góp vốn 650.000.000 đồng để hợp tác kinh doanh làm kính 3D; thời gian hợp tác là 5 năm; bà T đã giao cho ông H 300.000.000 đồng; hợp đồng đã được văn phòng công chứng Hoàng Long chứng nhận số 23642, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2018. Việc các bên xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, các chủ thể tham gia giao dịch đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên là hợp đồng có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, các bên xác lập giao dịch phải có quyền và nghĩa vụ tôn trọng, thực hiện quyền nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

Quá trình hợp tác kinh doanh đã phát sinh mâu thuẫn, bà T đã rút vốn khỏi hợp đồng hợp tác. Tuy nhiên, do ông H chưa thanh toán được cho bà T nên ngày 07/5/2019 ông H đã viết giấy hẹn nợ, hẹn trả lại cho bà T số tiền 340.000.000 đồng vào ngày 20/5/2019. Sau đó, đến ngày 14/6/2019 ông H có nhờ ông Nguyễn Hữu Q trả cho bà T 100.000.000 đồng và ông Q cũng xác nhận ông H còn nợ lại bà T 240.000.000 đồng. Như vậy, việc ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại tiền vốn góp cho bà T theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông H phải hoàn trả cho bà thảo số tiền 240.000.000 đồng là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi suất chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất do chậm thanh toán trên số tiền gốc 240.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, kể từ ngày 21/5/2019 cho đến ngày xét xử là 61.200.000 đồng. Xét thấy: Ngày 07/5/2019 bị đơn đã hẹn trả cho nguyên đơn số tiền 340.000.000 đồng vào ngày 20/5/2019. Tuy nhiên, bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ theo cam kết, do đó bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn lãi suất kể từ ngày 21/5/2019 cho đến ngày xét xử, như sau: 240.000.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng 5 ngày = 34.196.000 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất do chậm thanh toán với số tiền 61.200.000 đồng là không có căn cứ. Như vậy, yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn đối với bị đơn không được chấp nhận là 61.200.000 đồng – 34.196.000 đồng = 27.004.000 đồng

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 274.196.000 đồng x 5% = 13.709.800 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.004.000 đồng x 5% = 1.350.200 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.630.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0016088 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Hoàn lại cho bà T số tiền 5.279.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 504, Điều 507, Điều 510 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 274.196.000 đồng *(hai trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn đồng)*; (trong đó, nợ gốc 240.000.000 đồng; nợ lãi chậm trả 34.196.000 đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T số tiền lãi do chậm thanh toán là 27.004.000 đồng (*hai mươi bảy triệu, không trăm lẻ bốn ngàn đồng)*

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 274.196.000 đồng x 5% = 13.709.800 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.004.000 đồng x 5% = 1.350.200 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.630.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0016088 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Hoàn lại cho bà T số tiền 5.279.800 đồng.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- CCTHADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Liên